

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 19 - 8 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn,

chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Lộc

Ông Nguyễn Thành Đăng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích
– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLPT – HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 39/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1969; cư trú tại nhà số A, Đường H tháng 3, Khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện ủy quyền về tài sản: Ông Nguyễn Phước T1, sinh năm 1990; cư trú tại nhà số C, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 19/02/2024).

- *Bị đơn*: Bà Diệp Thị Thu H, sinh năm 1968; cư trú tại nhà số A, Đường H tháng 3, Khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Huỳnh Thị Phụng L, sinh năm 1997; cư trú tại nhà số A, Đường H tháng 3, Khóm C, Phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo*: Bà Diệp Thị Thu H – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày: Ông T và bà H có thời gian quen biết tìm hiểu nhau và đến tiến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thị xã V (nay là thành phố V) vào ngày 07/7/1995. Đến năm 2008, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp và đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nguyên nhân ly hôn là do bà H luôn có lời lẽ xúc phạm ông T và chị chồng. Khi cha ông T mất, để lại nhà đất cho các anh chị em và gia đình ông T cùng ở, chị ông T tuổi cao bị bệnh mất trí nhớ nên mọi sinh hoạt hàng ngày có khó khăn và không tự chủ được nên bà H có lời lẽ xúc phạm. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung, có 01 người con chung Huỳnh Thị Phụng L, sinh ngày 07/7/1997, hiện nay đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, ông T và bà H có số tiền 300.000.000 đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N - Chi nhánh V từ năm 2018, do bà H đứng tên. Toàn bộ tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng, bà H có đưa cho ông T đầy đủ từ lúc gửi tiết kiệm cho đến nay. Ông T xác định 300.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm của con gái Phụng L, là tiền chung của vợ chồng. Ông T yêu cầu chia đôi, con gái Phụng L phải giao lại cho ông T số tiền mặt 150.000.000 đồng. Còn lại số tiền 200.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm là tiền sở hữu riêng của con gái Phụng L, ông T không có tranh chấp. Ông T làm nghề vác mướn cho đến năm 2008 thì bị tai biến, hiện tại sinh sống bằng nghề cho vay tiền. Đối với số vàng gồm: 01 chiếc lắc trọng lượng 2,6 lượng vàng 18 kara trị giá 96.200.000 đồng; 01 dây chuyền và mặt dây chuyền trọng lượng 03 lượng vàng 18 kara trị giá 111.000.000 đồng. Số vàng này do bà H đang quản lý, ông T yêu cầu bà H hoàn lại $\frac{1}{2}$ số lượng vàng nêu trên. Đến ngày 25/3/2024, ông T rút khởi kiện về việc yêu cầu bà H chia toàn bộ số lượng vàng nêu trên.

Về nợ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Diệp Thị Thu H trình bày: Bà H và ông T có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường E, thị xã V vào ngày 07/7/1995. Bà H và ông T chung sống với nhau rất ít cự cãi nhau, ông T ly hôn là do có vợ bé bên ngoài. Bà H có gặp hai người ở Q thành phố V nhưng không có bằng chứng gì lưu lại. Bà H không đồng ý ly hôn với ông T. Về con chung, có 01 con chung Huỳnh Thị Phụng L, sinh ngày 07/7/1997, hiện nay đã đủ tuổi thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tích góp dành dụm được số tiền 300.000.000 đồng và gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N - Chi nhánh V từ năm 2018, do bà H đứng tên sổ tiết kiệm. Vào năm 2019, bà H và ông T đã thỏa thuận cho con gái Huỳnh Thị P Liên nên Phụng L gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N - Chi nhánh V.

Hiện tại, số tiền tiết kiệm 500.000.000 đồng con gái P Liên đứng tên, trong đó có số tiền 300.000.000 đồng của bà H và ông T đã cho Phụng L. Hàng tháng Phụng L có đưa tiền cho bà H 5.000.000 đồng để chi phí sinh hoạt trong gia đình và đưa tiền lãi hàng tháng cho ông T. Từ năm 2023, mỗi tháng bà H đưa tiền lãi 1.000.000 đồng cho ông T. Năm 2024, mỗi tháng bà H đưa tiền lãi 500.000 đồng cho ông T. Nay bà H không đồng ý chia số tiền 300.000.000 đồng, lý do, từ khi lập gia đình cho đến nay bà H buôn bán nước giải khát làm ra số tiền này. Đối với số vàng phía ông T khai là không có nên không đồng ý chia.

Về nợ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị P liên trình bày: Trước đây bà H và ông T có cho chị L số tiền 300.000.000 đồng vào năm 2019, chị L đem gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N - Chi nhánh V có kỳ hạn 01 năm. Hết kỳ hạn, chị L làm thủ tục cấp lại sổ tiết kiệm kỳ hạn 01 năm tiếp theo cho đến nay. Hiện tại, chị L gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 năm (từ ngày 28/8/2023 đến hết ngày 28/8/2024), bao gồm các khoản tiền: Số tiền vốn 300.000.000 đồng, tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng và tiền riêng của chị L dành dụm được 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 500.000.000 đồng. Chị L làm công nhân tại Công ty T2 có lương 8.000.000 đồng/tháng, hàng tháng đem tiền lương về cho bà H 5.000.000 đồng để sinh hoạt gia đình và bà H đưa tiền lãi cho ông T. Nay ông T xác định đã nhận tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng đầy đủ từ khi gửi tiết kiệm cho đến nay thì chị L đồng ý số tiền riêng sở hữu của chị L trong sổ tiết kiệm 200.000.000 đồng.

Số tiền 300.000.000 đồng còn lại đang có tranh chấp giữa bà H và ông T, chị L không đồng ý giao lại cho ông T 150.000.000 đồng. Vì số tiền này ông T đã cho chị Liên từ năm 2019 nên chị L đứng tên gửi tiết kiệm cho đến nay.

Tại Bản dân sự sơ thẩm số: 43/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 33, Điều 35, Điều 59, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 244 Bộ luật Tổ tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Huỳnh Văn T và bà Diệp Thị Thu H.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Phụng L, sinh ngày 07/7/1997 đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về việc chăm sóc và nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông T và bà H có tài sản chung số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), hiện chị Huỳnh Thị Phụng L đang quản lý. Chị Huỳnh Thị Phụng L có nghĩa vụ giao lại số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) thuộc sở hữu của ông T trong thời kỳ hôn nhân với bà H, cho ông Huỳnh Văn T.

Đình chỉ giải quyết toàn bộ số vàng ông Huỳnh Văn T tranh chấp với bà Diệp Thị Thu H theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/12/2023.

Về nợ: Ông T và bà H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2024 bị đơn bà Diệp Thị Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chia đôi số tài sản cho nguyên đơn Huỳnh Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Huỳnh Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T1, bị đơn bà Diệp Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Phượng L tự nguyện thỏa thuận: Thống nhất số tiền 300.000.000 đồng là tài sản chung của ông T, bà H. Ông T sẽ nhận 100.000.000 đồng, bà H nhận 100.000.000 đồng, chị P L nhận 100.000.000 đồng. Hiện bà H, chị Phượng L đang quản lý nên bà H, chị Phượng L có nghĩa vụ giao lại cho ông T 100.000.000 đồng.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của bà Diệp Thị Thu H, việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông T sẽ nhận 100.000.000 đồng, bà H nhận 100.000.000 đồng, chị P L nhận 100.000.000 đồng. Hiện bà H, chị Phượng L đang quản lý nên bà H, chị Phượng L có nghĩa vụ giao lại cho ông T 100.000.000 đồng. Án phí sơ thẩm ông T, bà H nộp theo quy định; bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 11/6/2024 bị đơn bà Diệp Thị Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bà H được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm công nhận sự thỏa thuận các đương sự:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phước T1, bị đơn bà Diệp Thị Thu H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Phượng L: Thống nhất số tiền 300.000.000 đồng là tài sản chung của ông T, bà H. Ông T sẽ nhận 100.000.000 đồng, bà H nhận 100.000.000 đồng, chị P L nhận 100.000.000 đồng. Hiện bà H, chị Phượng L đang quản lý nên bà H, chị Phượng L có nghĩa vụ giao lại cho ông T 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự tự nguyện thỏa thuận và thống nhất với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và sửa Bản án sơ thẩm số: 43/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí :

[5.1] Về án phí sơ thẩm: Ông T và bà H phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần tài sản được chia.

[5.2] Về án phí phúc thẩm: Bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về con chung, về đình chỉ giải quyết toàn bộ số vàng ông Huỳnh Văn T tranh chấp với bà Diệp Thị Thu H, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Diệp Thị Thu H. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 33, 35, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Về tài sản chung: Thống nhất số tiền 300.000.000 đồng là tài sản chung của ông T, bà H. Ông T sẽ nhận 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bà H nhận 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, chị P Liên nhận 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Hiện bà H, chị Phượng L đang quản lý nên bà H, chị Phượng L có nghĩa vụ giao lại cho ông T 100.000.000 đồng (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Về án phí sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí sơ thẩm 5.300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.640.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0006504 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố V. Hoàn trả ông T số tiền 1.340.000 (một triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí. Bà H chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng án phí.

Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả bà Diệp Thị Thu H 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số N⁰ 0006990 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về con chung, về đình chỉ giải quyết toàn bộ số vàng ông Huỳnh Văn T tranh chấp với bà Diệp Thị Thu H, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDTVL;
- TNV;
- TAND TPV;
- THADS TPV;
- Đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tư